

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG
Số: 21/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hòa An, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N**; sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh **Lục Sầm T**; sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Xóm H1, xã D, huyện H2, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị N và anh Lục Sầm T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh T cùng thỏa thuận nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị N và anh T cùng thừa nhận vợ chồng không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, chị N và anh T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định với nội dung như sau:

Chị N và anh T cùng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung gồm 01 (Một) nhà xưởng mái tôn dựng trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42, diện tích 155,6m² tại xóm Đ, xã D, huyện H2, tỉnh Cao Bằng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CQ143616 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 20/9/2019 mang tên ông Sầm Văn S và bà Lục Thị H (cùng trú tại xóm H1, xã D, huyện H2, tỉnh Cao Bằng) và 01 (Một) hệ thống máy móc làm bún khô. Tổng giá trị tài sản chung hiện nay là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*). Sau khi ly hôn, về phần tài sản chung các đương sự thỏa thuận anh T sẽ thanh toán cho chị N số tiền mặt 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) trước ngày 15/5/2022 và anh T sẽ nhận toàn bộ tài sản chung bằng hiện vật.

Hết thời hạn thỏa thuận nêu trên, nếu bị đơn anh T không thanh toán số tiền trên cho chị N theo như thỏa thuận, nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh T sẽ phải chịu lãi suất chậm trả của số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về vay nợ chung:** Chị N và anh T cùng thừa nhận vợ chồng không vay nợ chung.

- **Về án phí:** Chị N và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước cho việc thuận tình ly hôn. Chị N tự nguyện nộp án phí dân sự bao gồm cả phần của anh T với tổng số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0003571 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, Cao Bằng. Nay, chị N được hoàn lại số tiền là 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CC THADS huyện Hoà An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vi Khánh Dân